

## ĐẶC ĐIỂM TƯ DUY THƠ CỦA HỒ CHỦ TỊCH qua «Nhật ký trong tù»

NGUYỄN BÁ THÀNH

Xuất phát từ chỗ cho rằng, tư duy là động lực trực tiếp tạo nên hình tượng thơ, chúng tôi tìm hiểu «Nhật ký trong tù» dưới góc độ nghiên cứu những đặc điểm tư duy thơ của Bác Hồ, nhằm cắt nghĩa sự ra đời của các hình tượng thơ từ nếp nghĩ và những hướng liên tưởng đã trở thành thói quen của một cá tính sáng tạo.

Như chúng ta đã biết, «Nhật ký trong tù» bao gồm trên một trăm bài thơ bằng chữ Hán gồm nhiều thể thơ khác nhau, mà chủ yếu là thể tứ tuyệt (trên 85%). «Có những bài thơ Đường rất đúng quy cách; Có những bài muốn như viết theo lối Cổ phong. Và khi «vui tay», Người cũng không ngần ngại bồng đùa với cả thể thơ «chiết tự» (1). Nhưng đó là thể thơ ở từng bài, còn như thể loại của cả tập thì có lẽ không có ai băn khoăn gì. Đó là một tác phẩm thơ. Và bởi thế, hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, chúng ta vẫn không mấy ai quan tâm đến cái yếu tố «ký sự» của tác phẩm này. Nó là một đặc trưng của thể nhật ký, khiến cho nhà nghiên cứu sử học Trần Huy Liệu đã nhận xét: «Những chữ Hán dùng trong thơ cũng phần nhiều là bạch thoại». Tuy thế, chúng ta cũng cần nhất trí với nhau là, tính chất «loại thể» sẽ không làm giảm giá trị của tác phẩm, vì rằng nói như Gorki: «không phải làm những khẩu súng lục thì dễ hơn làm những khẩu đại bác». Hơn nữa, cơ sở để nhận định không phải chỉ ở cái tên tác phẩm, mà ở cái nội dung lịch sử cụ thể của toàn bộ tác phẩm, ở tính chất hiện thực của toàn bộ hành trình mà nhân vật trữ tình số một trong đó đã đi qua. Và nếu xét ở góc độ tư duy thơ thì phải xét ở tương quan tư duy triu tượng với tư duy cụ thể, giữa tưởng tượng hư cấu với nguyên mẫu hiện thực. Tức là chúng ta phải chú ý thêm về cái hành trình có tính không gian và những mốc thời gian mà thỉnh thoảng tác giả đã ghi lại dưới các bài thơ. Nhưng cái quan trọng là, trình tự đề tài tự nó đã phản ánh một cuộc hành trình cụ thể, chân thực và tính thời sự của cả tác phẩm.

Là một tác phẩm mà nghệ thuật thơ ca không phải là mục đích quyết định chi phối toàn bộ hệ thống hình tượng, «Nhật ký trong tù» nhằm ghi lại tâm tư tình cảm và những sinh hoạt của một người tù trên một vùng đất khách quê người, qua đó, tác giả «tự khuyên mình» vượt lên mọi khó khăn gian khổ, đợi ngày tự do, trở về hoạt động cách mạng. Do đó, hướng suy nghĩ chủ đạo vẫn là suy nghĩ về hành trình cách mạng của người chiến sĩ, về thời hạn bị tù. Chính

cái bất định về thời gian và về hành trình đã làm tăng tính chất oan uổng mà một người tù vô tội phải chịu đựng. Những tình cảm lớn như yêu Tổ quốc, yêu tự do và lòng lạc quan cách mạng đã có tác động lớn đến tư duy thơ.

### I. Nghĩ về thời hạn ở tù

Sơ với thơ tù của các chiến sĩ công sản cùng thời thì ta thấy, thơ tù của Bác ít nói về cái chết của bản thân, về khả năng phải hy sinh trên đường cách mạng, mặc dù Người bị dọa dẫm đủ điều, mấy tháng liền không tắm giặt, không thay quần áo, cơm không đủ ăn, áo chăn không đủ ấm. Người bị ghe lở, bị giải đi trong đêm tối, trong gió mưa, thân thể tiêu tụy, rụng cả răng, bạc cả tóc... Và xung quanh Bác bao nhiêu bạn tù bị chết. Một người tù hôm qua ngủ cạnh Bác, sáng ra đã thấy chết rồi, «lại một người nữa». Nhưng cái chết rất có thể đến ấy không thu hút tư duy của Bác, mà là «chuyện mất thì giờ». Đó là thời điểm Cách mạng cấp bách chuẩn bị lực lượng, đợi thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Do đó ngày tù vốn đã dài, giờ đây như lại dài hơn, căng hơn vì những suy nghĩ về trách nhiệm của một người lãnh đạo. Ba tháng tù, Người đã thấy là «chơn trấu ngày ác mộng». Khi bị giam đến bốn tháng tù thì Người liên tưởng đến câu nói của cô nhân «Một ngày sống trong tù dài bằng nghìn năm ở ngoài».

Do đó, cái thời gian bên trong, thời gian trừu tượng thật sự đối lập với thời gian cụ thể, thời gian bên ngoài. «Nhật ký trong tù» có hơn hai chục bài thơ nói về sự vận động của thời gian thường ngày, thời gian thiên nhiên, với những đầu đề như «Buổi sớm», «Buổi trưa», «Quá trưa», «Xế chiều», «Chiều tối», «Hoàng hôn», «Nửa đêm» v.v... Nghĩa là, Người theo dõi rất chặt và rất kín toàn bộ giờ giấc của một ngày. Buổi sáng «Tám giờ keng gõ ăn cơm sáng». Buổi trưa thì «một giấc miên man suốt mấy giờ». Quá trưa – «Hai giờ ngục mở thông hơi», «Cơm chiều xong thì mặt trời lặn», và hoàng hôn lúc «trẻ dất trâu về tiếng sáo bay»... Về thời gian cụ thể, thời gian chính xác, chúng ta nhận thấy trong cả tập thơ, ngoài ngày tháng ở ngoài bia, còn có hơn 5 lần tác giả ghi ngày «Đồng chính» (2-11); «Báo động» (12-11); «Ngày 11 tháng 11», «Giải đi Vũ Minh» (18-11) và bài «Đến Liễu Châu» (9-12). Giải thích nguyên nhân vì sao những bài ấy lại đề ngày tháng còn tuyệt đại bộ phận lại không, đối với chúng tôi thật là một việc quá sức mình, bởi lẽ có thể có những nguyên nhân nào đó ngoài thơ mà chúng ta không được biết. Song nếu căn cứ vào nội dung thơ thì thấy rằng, bài «Đồng Chính» và bài «Báo động» là hai bài có nói đến «Mở cửa lao», người tù thật sự được hưởng những giây phút tự do:

Nước và ánh sáng thì dư dật  
Ngày lại hai lần mở cửa lao

(Đồng chính. 2-11)

Cửa mở cho tù ra lãnh nạn  
Được ra ngoài ngục, khoái làm sao

(Báo động. 12-11)

Bài «Đến Liễu Châu» phản ánh một niềm hy vọng của Người, hy vọng được ra tù. Dường như có thể kết thúc được hành trình, bởi vì Người cho rằng đau khổ không phải là không hết, cơn ác mộng đã qua. Và ở bài ngay sau đó (bài

«Giám lâu ngày chưa được xét»). Người đã nghĩ đến chặng cuối của hành trình, «cuối chặng đường gay»:

Thuốc đắng cần liều càng thấy đắng  
Đường gay cuối chặng lại thêm gay.

Nghĩa là chờ đến dinh quan xét nữa là Người được giải phóng:

Tường qua cửa ải này là hết.

Nhưng nào ngờ sau đó chúng còn đưa Người đi Quế Lâm và còn chín, mười tháng nữa chúng mới thả Người. Cũng cần lưu ý rằng, khoảng 90% số bài trong tập «Nhật ký trong tù» đã được sáng tác ở mấy tháng đầu, nghĩa là gần như mỗi ngày một bài.

Còn ở bài «Giải đi Vũ Minh» thì phản ánh một nỗi bất bình mạnh mẽ của Người, vì không những chúng không thả Người mà còn «giải đi quanh quẹo mãi, kéo dài cả hành trình».

Vậy là, hai ngày Người «được mở cửa lao», một ngày «trường giá gian nan, thị tối hậu», một ngày thì bực dọc vì «loan loan khúc khúc giải». Còn một ngày nữa là ngày kỷ niệm đình chiến ở châu Âu. Cùng với ngày bị bắt và ngày được thả, đó là những ngày đáng ghi nhớ nhất trong hơn một năm ở tù. Những ngày «ra, vào» qua cánh cửa nhà lao.

Suy nghĩ về thời hạn ở tù là một hướng tư duy quán xuyên cả tập thơ, và cảm hứng về thời gian đã đem lại cho tác phẩm nhiều bài hay nhất là những bài viết về buổi sớm mùa thu. Hơn 5 lần Người viết về mùa thu, nhưng suy nghĩ chủ yếu của Người lúc này là suy nghĩ của một người cần tự do. Thật oái ăm thay là cuối mùa thu năm trước và đến mùa thu năm sau, tức là hai mùa thu, Người lại bị đày đọa trong tù. «Một ngày tù dài bằng nghìn thu ở ngoài» — ấy vậy mà người có hai mùa thu ở trong tù thì độ dài của thời gian trừu tượng sẽ là vô hạn. Do đó, mùa thu trong tác phẩm không phải là mùa được tâm đắc. Trung thu năm trước, Người là «kẻ ăn sâu» ở trong nhà lao, không được tự do mà «thường nguyệt», chỉ thả lòng theo ánh trăng với vợ, và khi cất bước trên con đường dài thẳm thẳm, gió thu «trận trận hàn» đã thổi rất mặt Người. Cho đến mùa thu năm sau, Người vẫn ngồi trong phòng giam đầy rận rệp, ruồi muỗi mà «trước cửa, lính canh bỗng sừng đứng». Hình bóng tên lính canh nặng nề và đen tối dường như đang che lấp ánh trăng thu, vắng trăng vô tình vẫn trôi giữa đám mây tàn... Quang cảnh ấy thật là thê lương, ảm đạm, khiến Người đã phải thốt lên trong cái «Đêm thu ấy»:

Ở tù năm trọn thân vô tội  
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.

Với tâm trạng của người đọc, chúng ta cảm động biết bao về cái cảnh «gối quáp, lưng còng, ngủ chẳng an» của vị lãnh tụ kính yêu. Đó là những đêm dài vô tận đối với Người. Người là tù nhân không được xét, không có hạn định. Mọi suy nghĩ của Người đều bắt đầu từ «tiết quang âm» (tiết ngày giờ) đến «xót mình giam hãm trong tù ngục». Cho nên có thể nói, tư duy của Người về thời gian dường như chỉ đổ dồn vào một điểm cuối cùng:

«Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù»

## 2. Không gian của cuộc hành trình

Song song với hướng suy nghĩ về thời gian ở tù là hướng suy nghĩ về cuộc hành trình. Một cuộc hành trình bất định, giải tới, giải lui, «đá qua, đá lại bóng

chuyển nhau». Từ huyện Tĩnh Tây đi Long Xuyên, Thiên Bảo, đến Long An, Đồng Chính. Sau đó đi Nam Ninh xuống Ung Ninh, Vũ Minh và kế tiếp đi Lai Tân... đó cũng là thứ tự các bài thơ viết về hành trình của Người.

Có trên 25 bài thơ viết trực tiếp về chuyện đi đường, phản ánh những sinh hoạt trên đường bị giải đi. « Đường đời khó khăn » là bài thơ giàu tính khái quát. Nhà thơ khái quát từ cuộc đời, từ hành trình của chính mình thành con đường nói chung. Nhưng đây cũng là bài thơ mang tính chất tuyên ngôn về bản ngã:

— Ta là đại biểu dân Việt Nam

— Ta người ngay thẳng lòng trong trắng.

Đây cũng là một trong bốn bài thơ dài của tập « Nhật ký trong tù », giàu màu sắc triết lý. Cái kết luận « Người gặp người trên đường cái thì có khi nguy hiểm hơn người gặp hổ ở núi cao » — là một kết luận sắc sảo đề chỉ mối quan hệ đối kháng giai cấp giữa người với người. Đến bài « Đi đường » thì Bác Hồ triết lý về ý nghĩa nhận thức thực tiễn. Đó là khả năng bao quát thực tại của một con người khi đã vượt được một chặng đường dài:

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non».

Bài « Trên đường đi » thì chủ yếu là biểu hiện tâm trạng tự do sáng khoái của người tù khi được ra dã ngoại. Và « cho dù bị trói chân tay », Người vẫn cảm thấy tự do khi được hưởng không khí trong lành và cảnh đẹp thiên nhiên một cách trực tiếp. Điều này chứng tỏ không khí tự do đã thật sự ảnh hưởng đến âm điệu thơ, đến tư duy thơ. Trong toàn bộ tác phẩm, những tình cảm lớn như lòng yêu nước, yêu độc lập tự do, yêu thiên nhiên và lòng nhân đạo cộng sản đã có vài trò lớn đối với hình tượng thơ. Có thể coi đó là những định hướng lớn cho tư duy thơ.

Trong số 25 bài thơ viết về cảnh đi đường thì có tới 17 lần Bác Hồ đã dùng động từ vận động để đặt tên cho các bài thơ (vãng, tẩu, đáo...). Kèm theo động từ vận động là danh từ chỉ địa phương. Số liệu về ngôn ngữ này chứng tỏ, tính thời sự, tính lịch sử cụ thể là một đặc điểm quan trọng của thể thơ nhật ký mà Bác đã sử dụng. Tính lịch sử cụ thể, tính chân thực là những đặc điểm của tư duy thơ của Bác Hồ về đề tài « đi đường ». Người không nói « mất mùa » chung chung, mà nói rõ là mất bao nhiêu:

« Mười phân, thu hoạch chỉ vài phân »

### 3. Tính cụ thể và hương nội gián tiếp

So với thơ viết trực tiếp bằng tiếng Việt thì ở thơ chữ Hán của Bác Hồ tính chất hình tượng tuy có lớn hơn nhưng không lẫn át. Tức là xét về tính phổ biến, xét về bề rộng thì tư duy cụ thể biểu hiện nhiều hơn về số lượng. Song nếu xét về chất lượng của hình tượng thì chúng ta thấy ngược lại, tức là Bác Hồ có ưu thế về tư duy hình tượng nhưng Người ít sử dụng. Đặc biệt là trong các truyện ngắn và thể ký trước cách mạng. Trí tưởng tượng của Người kỹ diệu biết bao khi Người viết trong văn chính luận:

« Công lý thường được tượng trưng bằng một người đàn bà uy nghi một tay cầm cái cân, một tay cầm thanh gươm. Với đường đi từ Pháp qua Đông Dương quá xa, xa đến nỗi sang được tới Đông Dương thì cái cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy ra và biến thành những chai rượu tỵ, cho nên bà công lý



kia chỉ còn độc chiếc gươm trong tay để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, mà nhất là người vô tội.» (Bản án chế độ thực dân Pháp)

Trong văn xuôi khả năng tư duy cụ thể của Người cũng đạt đến tinh uyên bác.

Đề trả lời một câu hỏi học búa về tình hình chính trị, tương lai của nước Pháp và của châu Âu, Người đã liên tưởng rất nhạy bén đến hình ảnh cụ thể của sự vật qua câu hỏi của đối phương. Người nói: «Này, ngài thủ tướng, xin ngài cho biết chân của châu Âu và nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói cho ngài biết châu Âu và nước Pháp sẽ đi đến đâu» (2).

Trong thơ của Bác, những đối tượng mà tư duy hướng tới, liên tưởng tới là những sự vật cụ thể. Từ những sự vật trực tiếp và quen thuộc như: ruộng, muối, rận rệp, ghẻ lở, đến cái gậy, cái răng cột cây số dọc đường và sợi dây trời trên cánh tay... Đặc điểm này cũng thể hiện trong thơ tiếng Việt khi Người viết « Bài ca sợi chỉ », « Hòn đá to ».

Từ đặc điểm biểu hiện cái cụ thể, trực tiếp như vậy, tư duy của Bác Hồ trong thơ thể hiện một tính chất dễ dàng; hướng nội một cách gián tiếp. Có nghĩa là Người khai thác nội tâm theo đối tượng cụ thể, tìm thấy ở đối tượng những thuộc tính phù hợp với tâm trạng, để « gửi gắm » vào đây những tâm tư tình cảm của chính mình. Mô tả cái hiện thực đã khơi dậy những cảm xúc, nghĩ suy, chứ không trực tiếp biểu hiện cái tôi nội cảm. (Nói đúng ra là không phổ biến). Song do đặc điểm của thơ trữ tình và thể nhật ký, cái tôi trữ tình vẫn hiện ra rõ nét. Cho nên có thể nói, biểu hiện hiện thực là mục đích thứ nhất, biểu hiện chủ thể là mục đích thứ hai, tức là một mục đích không phải thấp hơn mà xa hơn.

Nhân bàn về tư duy trừu tượng và tư duy cụ thể trong thơ Bác, chúng ta cũng cần trở lại với nguyên bản chữ Hán của tập « Nhật ký trong tù ». Đường như ở nguyên bản, tính chất cụ thể của tư duy thơ được bộc lộ rõ hơn trong bản dịch. Là một bản dịch khá nhất, nhưng bản dịch của Viện Văn học, từ năm 1960 đến nay vẫn không tránh khỏi một vài hạn chế. Theo chúng tôi thì hạn chế quan trọng là bản dịch đã thiên về trừu tượng hóa, hình tượng hóa cái tư duy cụ thể của tác giả. Chẳng hạn bài « Chiết tự », rõ ràng là bản dịch đã hết ý về mặt nghĩa bóng, nghĩa hình tượng của bài thơ, còn nghĩa đen « chiết tự » thì dường như bất lực. Tức là bài thơ mất đi cái nghĩa cụ thể hóa mà chỉ còn cái nghĩa hình tượng hóa. Tuy nhiên, khó có thể nói sau này chúng ta sẽ khắc phục được nhược điểm đó.

Trong bài « Mới đến nhà lao Thiên Bảo » có câu « Xí khánh thượng tọa đãi riêu lai » được dịch là « Ngồi trên hồ xí đợi ngày mai », làm cho cái nghĩa hình tượng tăng lên, bởi cái nghĩa cụ thể của nó là « Ngồi trên hồ xí đợi trời sáng ». Trong một số bài thơ dịch khác, chúng tôi thấy rằng, nguyên nhân làm giảm bớt tính cụ thể, chính xác của tư duy thơ là do dịch giả không chuyển được hết sắc thái tu từ của các đại từ nhân xưng trong bản chính. Chẳng hạn trong bài « Nghe tiếng gà gáy », bản dịch của Viện Văn học đã dịch chữ « nhĩ » (đại từ nhân xưng ngôi thứ hai số ít) là « mi ». Nhưng có người nói tiếng gà ở đây có vai trò thức tỉnh quần chúng, cho nên, không phải là « một giống gà thường », mà có ý nghĩa tượng trưng để « Ca ngợi Đảng », nó cũng chủ đề tư tưởng với bài « Cột cây số », do đó phải dịch chữ « nhĩ » là « anh » hoặc một chữ nào khác.

Đặc biệt là ở những bài thơ có tính chất tự xưng của Bác. Khi thì Bác tự xưng là « lão phu », khi thì Bác tự xưng là « ngô nhân », « ngô », khi thì Người xưng là

du». Nhưng phổ biến hơn cả là «ngã». Tất cả những chữ trên đều được dịch «ta» và cũng nhiều lần không dịch được. Về sắc thái tư tưởng thì chữ «ta» vừa chuyên được cái nghĩa «tôi», vừa có được cái vẻ chủ động hơn, bề thế và tự tin hơn. Song cũng chính vì vậy mà tính bao quát đã lẫn ít tính cụ thể, tính chủ quan hóa cũng giảm đi nhiều. Rõ ràng là khả năng khái quát của «ta» lớn hơn «tôi».

#### 4. Tìm hình ảnh đối lập, nêu cái nghịch lý

Tại thơ trong «Ngục trung nhật ký» chủ yếu là thể tứ tuyệt của thơ Đường. Tứ tuyệt là thể đứng giữa cổ phong và luật thể, do đó, tứ tuyệt kì vọng đối bởi đang đối về âm, về nghĩa. Nhưng trong thơ Bác, hiện tượng «đối lập» là rất phổ biến, mọi khi u đối lập cất hiện đại: đối lập về hình ảnh, về nội dung. Có thể nói từ những bài đầu đến những bài cuối, và hầu hết các bài viết về chế độ nhà tù, về cảnh sinh hoạt Người đều dùng biện pháp so sánh đối lập. Nhờ biện pháp đối lập ấy mà Người đã nêu bật lên cái oái ăm, cái trở trêu của chế độ nhà tù. Từ những hành vi của nhà cầm quyền đến những việc làm nhô nhọt của cái ngục, lính canh: đánh cắp gạo, tịch thu thuốc lá, ăn thịt chó, không lợn đi, đánh bạc trong tù. Song, Người suy nghĩ về cái trật tự ruồng nát, trì trệ, nhiều hơn là sự đối kháng, đối lập giữa tù nhân với chính quyền. Suy nghĩ của Người nhiều khi mang tính chất triết lý thể thái nhân tình nhưng luôn có một hạt nhân biện chứng ở bên trong. Chính ở xa hướng truy tìm cái đối lập này đã tạo ra cho tác phẩm có tính tố cáo sâu sắc. Đó cũng là cội nguồn tạo nên «chất thép» của tác phẩm này.

«Nhật ký trong tù» là một tập thơ trữ tình đã hình thành kết cấu của toàn tác phẩm. Mở đầu là những bài giàu tính chính luận, tuyên ngôn, sau đó là sự cụ thể hóa về con đường đời đầy khó khăn, gian khổ. Mạch thơ luôn nhất quán và được khép lại một cách hoàn chỉnh, tròn đầy. Điều đáng chú ý là ở giai đoạn đầu, ta cảm thấy cái ung dung, cái thanh thản, biểu hiện rõ trong tư duy thơ, trong nhịp điệu thơ và âm hưởng từng bài. Song, từ sau «ôm nặng», nhịp điệu dường như tăng cao, tư duy như bị dồn nén, căng thẳng, những dấu chấm hỏi và chấm than đã xuất hiện nhiều hơn và nhiều lúc làm đầu đề cho các bài thơ («?», «?!»)

Nhưng ở đỉnh cao của sự căng thẳng ấy, ta thấy thơ như vừa trút được một gánh nặng:

Người cùng vạn vật đều phơi phơi

Hết khổ là vui vốn lẽ đời

(Trời hửng)

Bài thơ «Trời hửng» đã gây cho ta cảm giác «kết thúc có hậu» của một câu chuyện cổ. Một chuỗi dài những oái ăm, nghịch lý đã chấm dứt, nhân vật số một trong đó đã «bồi hồi dạo bước» trở về Tổ quốc. Đó là ý nghĩa «Giải phóng» đối với một con người thời đại, đối với vị anh hùng số một của lịch sử dân tộc hàng trăm năm, thậm chí hàng ngàn năm.

#### CHÚ THÍCH

(1) Đặng Thai Mai. Tình cảm thiên nhiên trong «Ngục trung nhật ký». Tạp chí Văn học, 5-1970.

(2) Trích theo Chế Lan Viên. Báo Sài Gòn Giải phóng. Số Xuân Bình Thản. 1975.

(xem tiếp trang 52)